TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 3 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Hồng Vinh.
2. Bà Lê Thị Kiều Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Qúi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn, con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Ngọc O, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Công V, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị O xin vắng mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Ngoc O xin vắng mặt nhưng theo đơn ly hôn, quá trình tố tụng chị O trình bày và yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị O và anh V chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận số 35 ngày 28/5/2010. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nhiều mặt. Anh chị đã sống ly thân năm 2017 đến nay, chị O cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Trọng Nhân sinh ngày 08/5/2011. Cháu Nhân đang do chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được

tiếp tục nuôi con; yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Công V đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến anh V đối với yêu cầu của chị O trong hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ kết quả tranh tụng và các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung được quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc O xin vắng mặt, bị đơn anh Trần Công V vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị O, anh V.

[3] Xét về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Ngọc O và anh Trần Công V là hợp pháp. Quá trình sống chung chị O và anh V mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm nhiều mặt. Đối với anh V cố tình vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của anh trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, chị O và anh V ly thân từ năm 2017 đến nay, anh chị không cùng nhau khắc phục, mà để việc ly thân kéo dài. Điều này chứng tỏ về tình cảm giữa chị O và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị O yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Trọng Nhân sinh ngày 08/5/2011. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nhân đang sống chung với chị O và chị O chăm sóc vẫn đảm bảo để cháu phát triển bình thường. Hơn nữa, cháu Nhân cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, để ổn định về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nhân cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Chị O yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu Nhân mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tính theo thời điểm (hiện

nay ½ tháng lương cơ sở là 745.000đ). Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị O là có căn cứ, phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị O trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì chị O, anh V phải chịu án phí theo quy định.

[9] Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Ngọc O.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc O được ly hôn với anh Trần Công V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trọng Nhân sinh ngày 08/5/2011 cho chị Trương Thị Ngọc O được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Công V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhân mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tính theo thời điểm cho đến khi cháu Nhân tròn 18 tuổi (hiện nay ½ tháng lương cơ sở là 745.000đ). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trương Thị Ngọc O nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị O đã nộp theo biên lai thu số 0016931 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị O đã nộp xong án phí.

- Anh Trần Công V nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám